

Số: 769/BC-SNV

Thanh Hoá, ngày 24 tháng 11 năm 2015

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nội dung chất vấn tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, nhiệm kỳ 2011-2016.

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện nội dung Công văn số 243/CV-HĐND ngày 16/11/2015 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc báo cáo kết quả thực hiện nội dung chất vấn tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, nhiệm kỳ 2011-2016, Sở Nội vụ xin báo cáo, như sau:

1. Việc khắc phục tình trạng giao biên chế sự nghiệp giáo dục hàng năm cho một số huyện tăng hơn so với định mức quy định của tỉnh.

1.1. Căn cứ xây dựng kế hoạch biên chế sự nghiệp giáo dục hàng năm.

Căn cứ định mức quy định tại Thông tư liên tịch số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 23/8/2006 của Bộ giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ, Quyết định số 248/2009/QĐ-UBND ngày 21/01/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án giải quyết cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hành chính các trường tiểu học, trung học cơ sở thuộc diện dôi dư trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, Công văn số 2582/UBND-VX ngày 29/5/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc quy định tạm thời sĩ số học sinh và biên chế giáo viên ngành giáo dục và đào tạo và các quy định hiện hành khác có liên quan.

1.2. Trình tự xây dựng Kế hoạch biên chế sự nghiệp giáo dục.

Trên cơ sở tổng hợp báo cáo của UBND các huyện, thị xã, thành phố về thực hiện chỉ tiêu biên chế sự nghiệp giáo dục hàng năm và kế hoạch biên chế năm tiếp theo. Sở Nội vụ phối hợp với Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức Hội nghị làm việc với UBND các huyện, thị xã, thành phố để rà soát, thống nhất số học sinh, số trường, số lớp các cấp học. Căn cứ kết quả rà soát, Sở Nội vụ xây dựng kế hoạch biên chế sự nghiệp giáo dục hàng năm cho các huyện, thị xã, thành phố báo cáo UBND tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo đúng định mức quy định của tỉnh. Số biên chế sự nghiệp giáo dục cụ thể của từng huyện được giao trên cơ sở căn cứ vào số lượng học sinh; định mức bình quân học sinh/lớp; định mức biên chế giáo viên/lớp; định mức cán bộ quản lý, nhân viên hành chính/trường theo quy định đối với từng cấp học.

1.3. Việc giao biên chế sự nghiệp khối THCS từ năm 2012 đến nay.

- Tính theo định mức quy định, như sau: (Vùng miền núi cao 32 học sinh/lớp, vùng miền núi thấp 35 học sinh/lớp, Vùng đồng bằng, trung du, ven biển 37 học sinh/lớp, thị xã, thành phố 39 học sinh/lớp; cán bộ quản lý trường

hạng I giao 03 biên chế/trường, trường hạng II và hạng III giao 02 biên chế/trường; giáo viên 1,85 biên chế/lớp, trường Dân tộc nội trú là 2,2 biên chế/lớp; nhân viên hành chính 04 biên chế/trường, trường Dân tộc nội trú 9 biên chế/trường; đoàn đội 0,5 biên chế/trường):

a. Năm học 2012 -2013: Số trường là 652, số học sinh là 188.791, số lớp là 6.086;

- Nhu cầu biên chế tính theo định mức quy định là: 14.123 biên chế.

- Biên chế được giao: 14.123 biên chế

b. Năm học 2013-2014: Số trường là 649, số học sinh là 185.165, số lớp là 5.760.

- Nhu cầu biên chế tính theo định mức quy định là 13.630 biên chế;

- Biên chế được giao: 14.123 biên chế

c. Năm học 2014-2015, số trường 649, số học sinh 184.409, số lớp là 5.123.

- Nhu cầu biên chế tính theo định mức quy định là 13.256 biên chế.

- Biên chế được giao: 14.123 biên chế.

Từ năm học 2012-2013 đến nay, số lớp, số học sinh ở Khối Trung học cơ sở giảm trong khi số biên chế được giao không giảm, dẫn đến số biên chế được giao của Khối THCS năm 2015 cao hơn so với nhu cầu biên chế thực tế nếu giao theo định mức quy định của tỉnh là 867 biên chế. Tuy nhiên, để ổn định số biên chế, cán bộ, giáo viên, nhân viên hành chính của các trường THCS thực hiện việc điều chuyển, sắp xếp theo Quyết định số 3678/1011/QĐ-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh, biên chế sự nghiệp giáo dục được Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh giao cho UBND các huyện, thị xã, thành phố từ năm 2012 đến nay giữ nguyên không giao tăng, cụ thể như sau: Biên chế khối mầm non giao: 11.599 biên chế, khối Tiểu học: 16.545 biên chế, Khối Trung học cơ sở: 14.123 biên chế.

2. Tham mưu giải quyết tình trạng con em dân tộc thiểu số tốt nghiệp đại học chính quy nhưng chưa được tuyển dụng, bố trí việc làm.

Trên cơ sở tổng hợp báo cáo của 11 huyện miền núi và các huyện Triệu Sơn, Tĩnh Gia, tính đến ngày 30/6/2015, số sinh viên cử tuyển đã tốt nghiệp các trường Đại học, Cao đẳng, THCN toàn tỉnh chưa được bố trí việc làm là: 849 sinh viên. Trong đó: Tốt nghiệp Đại học 307; Cao đẳng 319; Trung cấp chuyên nghiệp 223, gồm các chuyên ngành đào tạo như sau: Chuyên ngành Sư phạm: 549 (Đại học 128, Cao đẳng 227, Trung cấp 194); chuyên ngành kinh tế: 65 Đại học; ngành kỹ thuật: 48 Đại học; ngành xã hội: 63 (Đại học 28, Cao đẳng 12, Trung cấp 23); ngành Y tế: 70 (Đại học 19, Cao đẳng 21, Trung cấp 30); các ngành đào tạo khác 54 (Cao đẳng 11, Trung cấp 43).

Căn cứ Quyết định số 2957/QĐ-UBND ngày 10/8/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giao chỉ tiêu biên chế hành chính, sự nghiệp tỉnh Thanh Hóa năm 2015 và 2016, qua báo cáo việc thực hiện chỉ tiêu biên chế của các huyện, còn thiếu: 571 biên chế; Trong đó: Quản lý nhà nước: 16; Đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND huyện: 9; Công chức cấp xã: 70; Giáo dục & Đào tạo: 476. Số sinh viên cử tuyển hiện nay chưa bố trí được việc làm chủ yếu là tốt nghiệp các trường Sư phạm, với lý do giáo viên dôi dư còn nhiều do giảm số

lớp, số học sinh. Để khắc phục dần từng bước đối với số sinh viên này, Sở Nội vụ báo cáo và đề xuất phương án giải quyết như sau:

- Tại Khoản 3, Điều 3, Nghị định số 134/2006/NĐ-CP của Chính phủ đã quy định rõ: “cơ quan cử người đi học theo chế độ cử tuyển có trách nhiệm tiếp nhận, phân công công tác cho người được cử đi học sau khi tốt nghiệp”. Do đó, đề nghị UBND các huyện căn cứ vào các quy định hiện hành của pháp luật, biên chế được giao và tình hình thực tế tại địa phương, xây dựng Kế hoạch, có lộ trình cụ thể để tiếp nhận, phân công công tác cho các đối tượng đã được cử đi học theo chế độ cử tuyển có trình độ và chuyên ngành đào tạo phù hợp thay thế cho số cán bộ, công chức, viên chức người lao động nghỉ BHXH hoặc chuyển công tác trước khi xem xét tuyển dụng các đối tượng khác.

- Đối với những huyện còn thiếu nhiều biên chế chức danh công chức cấp xã như huyện Mường Lát, Quan Hóa, Ngọc Lặc... Đề nghị UBND tỉnh cho chủ trương để tuyển số sinh viên cử tuyển tốt nghiệp Đại học chính quy có trình độ và chuyên ngành đào tạo phù hợp từ các huyện miền núi khác để tăng cường cán bộ, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn.

- Riêng đối với 70 sinh viên tốt nghiệp ngành y, được (trong đó 19 ĐH; 21 CĐ; 30 TC) các huyện lập danh sách đề nghị Sở Y tế xem xét bố trí công tác theo thẩm quyền phân cấp và quản lý cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

3. Khắc phục việc thực hiện Quyết định số 3678/2011/QĐ-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh về Quy định điều động, chuyển chuyên, tiếp nhận và tuyển dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hành chính các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập ở một số nơi thực hiện chưa nghiêm; tình trạng tiếp nhận và tuyển dụng giáo viên vượt chỉ tiêu biên chế.

3.1. Tình hình, kết quả thực hiện Quyết định số 3678/2011/QĐ-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh.

3.1. Về công tác triển khai, tổ chức thực hiện:

Sau khi Quyết định số 3678/2011/QĐ-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh được ban hành, Sở Nội vụ đã có các Công văn số: 988/SNV-TCBC ngày 18/9/2012; 92/SNV-TCBC ngày 27/01/2014; 844/SNV-TCBC ngày 18/7/2014, gửi các huyện, thị xã, thành phố yêu cầu Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các phòng chuyên môn cùng với tổ chức Công đoàn phổ biến, quán triệt Quyết định nêu trên của Chủ tịch UBND tỉnh đến tất cả các trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn để mọi cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường nắm được mục đích, yêu cầu, nội dung của việc sắp xếp, điều chuyển cán bộ, giáo viên, nhân viên trường học; đồng thời yêu cầu việc sắp xếp, bố trí, điều động cán bộ, giáo viên đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, dân chủ, công bằng và đúng quy định và phải được tiến hành từng bước chặt chẽ từ khâu rà soát, đánh giá, phân loại đến việc sắp xếp, bố trí, điều chuyển giáo viên từ nơi thừa đến nơi thiếu, giữa các trường trong xã và giữa các xã trong huyện; điều chuyển giáo viên trung học cơ sở xuống dạy tiểu học, bố trí cho Trung tâm học tập cộng đồng.

3.2. Kết quả thực hiện Quyết định số 3678/2011/QĐ-UBND ngày 08/11/2011

của UBND tỉnh.

a. Kết quả sắp xếp, bố trí, điều chuyển cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hành chính theo Quyết định số 3678/2011/QĐ-UBND của UBND tỉnh từ ngày 08/11/2011 đến 30/9/2015.

*** Đối với khối Tiểu học:**

- Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên hành chính Tiểu học được điều chuyển, bố trí, sắp xếp trên toàn tỉnh là: 2.217 người, trong đó:

+ Trong phạm vi xã là 102 người, gồm: Quan Sơn 03, Quan Hóa 12, Bá Thước 01, Lang Chánh 05, Thường Xuân 02, Ngọc Lặc 66, Cẩm Thủy 02, Vĩnh Lộc 02, Triệu Sơn 02, Hà Trung 02, Thị xã Bỉm Sơn 02, Nga Sơn 03.

+ Trong phạm vi huyện là 2013 người, gồm: Quan Sơn 43, Quan Hóa 105, Bá Thước 33, Lang Chánh 32, Thường Xuân 102, Như Xuân 39, Như Thanh 56, Ngọc Lặc 209, Cẩm Thủy 13, Thạch Thành 101, Vĩnh Lộc 10, Thọ Xuân 115, Triệu Sơn 104, Nông Cống 188, Yên Định 72, Thiệu Hóa 44, Đông Sơn 58, Hà Trung 40, Bỉm Sơn 31, Nga Sơn 133, Hậu Lộc 108, Hoằng Hóa 61, Quảng Xương 03, Tĩnh Gia 215, Thị xã Sầm Sơn 01, Thành phố Thanh Hóa 97.

+ Điều chuyển sang Trung tâm học tập cộng đồng là 102 người, gồm: Quan Sơn 02, Quan Hóa 03, Thường Xuân 06, Như Thanh 08, Cẩm Thủy 05, Thọ Xuân 26, Triệu Sơn 22, Nông Cống 05, Thiệu Hóa 01, Đông Sơn 01, Bỉm Sơn 01, Hậu Lộc 02, Hoằng Hóa 04, Quảng Xương 11, Tĩnh Gia 03, Thành phố Thanh Hóa 02

(Chi tiết có phụ lục 1 kèm theo)

*** Đối với Khối Trung học cơ sở:**

- Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên hành chính Khối Trung học cơ sở được điều chuyển, bố trí, sắp xếp trên toàn tỉnh là: 3.572 người, trong đó:

+ Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên THCS điều chuyển giữa các trường THCS trong phạm vi huyện là 2.351 người, gồm: Quan Sơn 83, Quan Hóa 69, Bá Thước 35, Lang Chánh 41, Thường Xuân 127, Như Xuân 13, Như Thanh 29, Ngọc Lặc 164, Cẩm Thủy 22, Thạch Thành 101, Vĩnh Lộc 20, Thọ Xuân 186, Triệu Sơn 106, Nông Cống 148, Yên Định 109, Thiệu Hóa 170, Đông Sơn 55, Hà Trung 63, Bỉm Sơn 35, Nga Sơn 140, Hậu Lộc 124, Hoằng Hóa 69, Quảng Xương 143, Tĩnh Gia 174, Sầm Sơn 13, Thành phố Thanh Hóa 112.

+ Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên THCS điều chuyển xuống cấp Tiểu học là 486 giáo viên, gồm: Quan Sơn 11, Quan Hóa 11, Bá Thước 16, Lang Chánh 14, Thường Xuân 21, Như Xuân 43, Như Thanh 03, Ngọc Lặc 26, Cẩm Thủy 10, Thạch Thành 28, Vĩnh Lộc 36, Thọ Xuân 31, Triệu Sơn 21, Nông Cống 01, Yên Định 55, Thiệu Hóa 02, Đông Sơn 04, Hà Trung 19, Bỉm Sơn 22, Nga Sơn 39, Hậu Lộc 16, Hoằng Hóa 05, Tĩnh Gia 34, Thành phố Thanh Hóa 18.

+ Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên THCS điều chuyển sang Trung tâm học tập cộng đồng là 735 giáo viên, gồm: Mường Lát 09, Quan Hóa 06, Bá Thước 17, Thường Xuân 07, Như Xuân 18, Như Thanh 07, Ngọc Lặc 22, Cẩm Thủy 18, Thạch Thành 28, Vĩnh Lộc 17, Thọ Xuân 41, Triệu Sơn 34, Nông Cống 11, Yên Định 29, Thiệu Hóa 28, Đông Sơn 15, Hà Trung 31, Bỉm Sơn 07,

Nga Sơn 27, Hậu Lộc 09, Hoàng Hóa 39, Quảng Xương 97, Tĩnh Gia 172, Sầm Sơn 05, Thành phố Thanh Hóa 41.

(Chi tiết có phụ lục 2 kèm theo)

b. Về tuyển dụng, tiếp nhận và điều chuyển cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hành chính các trường Tiểu học, Trung học cơ sở trực thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố từ năm 2011 đến nay.

*** Về tuyển dụng:**

Từ năm 2011 đến nay UBND các huyện đã tuyển dụng 388 trường hợp, cụ thể như sau:

- Mầm non: tuyển dụng 115, gồm: Huyện Yên Định: 33, huyện Thiệu Hóa: 32, Huyện Quảng Xương: 34; Sầm Sơn 16.

- Khối Tiểu học: tuyển dụng 182, gồm: Quảng Xương 07, Mường Lát 54, Quan Hóa 59, Triệu Sơn 02, Thường Xuân 03, Thiệu Hóa 11, Nga Sơn 17, Quan Sơn 29. Trong đó Huyện Thiệu Hóa tuyển vượt quá chỉ tiêu biên chế được giao 09; riêng 02 huyện Mường Lát và Quan Hóa được tuyển dụng giáo viên Tiểu học còn thiếu theo Công văn số 1872/UBND-THKH ngày 22/3/2013 và Công văn số 5903/UBND-THKH ngày 01/8/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá.

- Khối Trung học cơ sở: tuyển dụng 91, gồm: Quảng Xương 06, Thường Xuân 01, Thiệu Hóa 12, Nga Sơn 02, Quan Sơn 70. Các đơn vị này đều có số biên chế vượt quá chỉ tiêu biên chế được giao.

*** Về tiếp nhận, điều chuyển cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hành chính các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở của các huyện, thị xã, Thành phố.**

- Về tiếp nhận:

Từ năm 2011 đến nay UBND các huyện, thành phố đã tiếp nhận 279 trường hợp, gồm: Mường Lát 12, Quan Hóa 26, Bá Thước 02, Thường Xuân 07, Cẩm Thủy 03, Vĩnh Lộc 02, Thọ Xuân 02, Triệu Sơn 02, Nông Cống 02, Yên Định 07, Thiệu Hóa 03, Đông Sơn 01, Hà Trung 02, Hậu Lộc 03, Hoàng Hóa 09, Quảng Xương 43, Tĩnh Gia 09, Thành phố Thanh Hóa 146.

- Về chuyển đi:

Từ năm 2011 đến nay UBND các huyện, thị xã, thành phố đã cho phép 655 trường hợp chuyển đi ngành và huyện khác, gồm: Mường Lát 32, Quan Sơn 48, Quan Hóa 09, Bá Thước 12, Lang Chánh 17, Thường Xuân 15, Như Thanh 19, Ngọc Lặc 15, Cẩm Thủy 17, Thạch Thành 15, Vĩnh Lộc 02, Thọ Xuân 16, Triệu Sơn 11, Nông Cống 07, Yên Định 20, Thiệu Hóa 237, Đông Sơn 20, Hà Trung 11, Bim Sơn 01, Nga Sơn 13, Hậu Lộc 20, Hoàng Hóa 20, Quảng Xương 48, Tĩnh Gia 42, Sầm Sơn 05, Thành phố Thanh Hóa 05 .

- Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên THCS điều chuyển sang huyện khác theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh là 33 giáo viên.

- Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên THCS các huyện tiếp nhận do Chủ tịch UBND tỉnh điều động là 33 giáo viên; huyện Quan Hoá tiếp nhận 21 giáo viên, huyện Mường Lát tiếp nhận 12 giáo viên.

3.3. Đánh giá chung việc thực hiện Quyết định số 3678/2011/QĐ-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

a. Ưu điểm:

Nhìn chung UBND các huyện, thị xã, thành phố đã tập trung chỉ đạo, thực hiện nghiêm túc Quyết định số 3678/2011/QĐ-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh; tình hình giáo viên tiểu học và trung học cơ sở của các huyện, thị xã, thành phố sau khi thực hiện sắp xếp, điều chuyển đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu giảng dạy của các trường ở mỗi cấp học; từng bước khắc phục được tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ giữa các trường, các cấp học trong tỉnh lâu nay vẫn thường xảy ra.

b. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

Vẫn còn một số đơn vị thực hiện chưa nghiêm túc, quyết liệt trong việc điều chuyển, bố trí, sắp xếp giáo viên các cấp học; thực hiện việc tiếp nhận và tuyển dụng giáo viên vượt chỉ tiêu biên chế được giao, nguyên nhân là do cấp tiểu học phải thực hiện dạy học 02 buổi/ngày, trong khi đó chỉ tiêu biên chế mới được giao theo định mức 01 buổi/ngày; yêu cầu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia phải bố trí đầy đủ cơ cấu bộ môn theo quy định trong khi giáo viên văn hóa ở các trường trung học cơ sở dôi dư nhưng lại thiếu giáo viên đặc thù như giáo viên: nhạc, họa, tiếng anh, thể dục.... Vì vậy, các huyện đã thực hiện hợp đồng đối với các môn đặc thù và các bộ môn còn thiếu và nhân viên hành chính các cấp học, để thực hiện nhiệm vụ được giao. Để khắc phục những tồn tại, hạn chế nói trên, Sở Nội vụ đề xuất một số giải pháp, như sau:

- Yêu cầu Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực hiện nghiêm túc Quyết định số 3678/2011/QĐ-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh Thanh Hóa;

- Sở Nội vụ, phối hợp với Sở Giáo dục hướng dẫn cụ thể định mức, cơ cấu, chủng loại giáo viên các môn học ở từng cấp học cho UBND các huyện, thị xã, thành phố theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo để làm cơ sở cho việc xác định chủng loại giáo viên dôi dư và bố trí, sắp xếp giáo viên theo đúng quy định.

- Sở Nội vụ, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu cho UBND tỉnh tổng kết 5 năm việc thực hiện Quyết định số 3678/2011/QĐ-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh để đánh giá sâu hơn những kết quả đã được cũng như những tồn tại, hạn chế, bất cập trong quá trình thực hiện, từ đó sẽ đề xuất UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung những nội dung, tiêu chí còn chưa phù hợp trong việc xét dôi dư như đối tượng ưu tiên, trình tự xét dôi dư, tiêu chí phân loại dôi dư...

- Sở Nội vụ, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chỉ tiêu biên chế được giao, việc thực hiện điều chuyển, bố trí, sắp xếp giáo viên các cấp học. Nếu phát hiện những trường hợp tuyển dụng, tiếp nhận, điều chuyển cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hành chính các cấp học của UBND các huyện, thị xã, thành phố không đúng quy định, Giám đốc Sở Nội vụ đình chỉ các Quyết định nói trên đồng thời báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm;

- Đề nghị UBND tỉnh có chính sách hỗ trợ thêm đối với giáo viên trung học cơ sở dôi dư để thực hiện việc tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ;


- Sở Nội vụ sẽ xây dựng trình UBND tỉnh ban hành quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao hiệu quả quản lý viên chức nói chung và viên chức ngành giáo dục nói riêng.

- Sở Giáo dục và Đào tạo sớm tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Đề án xây dựng quy hoạch mạng lưới các trường mầm non, tiểu học, phổ thông tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, làm cơ sở cho việc sắp xếp lại quy mô, mạng lưới các trường học và bố trí đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hành chính trên địa bàn tỉnh phù hợp với yêu cầu thực tế.

Trên đây là nội dung báo cáo trả lời chất vấn của cử tri, Sở Nội vụ kính báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TCBC.

GIÁM ĐỐC

Đầu Thanh Tùng

PHỤ LỤC TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU CHUYỂN, TIẾP NHẬN CÁN BỘ, GIÁO VIÊN TIỂU HỌC
Từ ngày 08/11/2011 đến ngày 30/9/2015

TT	Đơn vị	Điều chuyển từ phạm vi xã				Điều chuyển trong phạm vi huyện				Điều chuyển sang Trung tâm học tập cộng đồng				Thuyên chuyển ra ngoài huyện				Tiếp nhận từ huyện khác			
		Tổng số	CBQL	GV	NVHC	Tổng số	CBQL	GV	NVHC	Tổng số	CBQL	GV	NV	Tổng số	CBQL	GV	NVHC	Tổng số	CBQL	GV	NVHC
1	Mường Lát	0				0				0				20	1	19		0			
2	Quan Sơn	3	0	3	0	43	8	28	7	2	1	1	0	25	1	24	0	0	0	0	0
3	Quan Hoá	12		1	11	105	22	74	9	3	3			8	3	5		2		2	
4	Bá Thước	1	0	1	0	33	2	31	0	0	0	0	0	2	0	2	0	0	0	0	0
5	Lang Chánh	5	1	4	0	32	0	32	0					1		1					
6	Thường Xuân	2		2		102	11	91		6	5	1		5		5		6		6	
7	Như Xuân	0				39		39													
8	Như Thanh	0				56		56		8	5	3		10		10					
9	Ngọc Lặc	66	12	54		209	2	207						1		1					
10	Cẩm Thủy	2	1	1		13	7	6		5		5		3		3		3		3	
11	Thạch Thành	0	0	0	0	101	19	50	32	0	0	0	0	4	0	4	0	0	0	0	0
12	Vinh Lộc	2	1	1	0	10	0	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
13	Thọ Xuân	0				115	5	105	5	26	26	0	0	11	0	11	0	1	0	1	0
14	Triệu Sơn	2		2		104	14	86	4	22	22			4		4		1		1	
15	Nông Cống	0				188	9	177	2	5		5	0								
16	Yên Định	0	0	0	0	72	12	46	14	0	0	0	0	6	0	6	0	7	0	7	0
17	Thiệu Hoá	0	0	0	0	44	3	40	1	1	0	1	0	112	9	97	6	3	0	3	0
18	Đông Sơn	0				58	20	34	4	1		1		10		10		0			
19	Hà Trung	2		2		40	10	19	11					5		5		2		2	
20	TX Bim Sơn	2	2	0	0	31	1	30	0	1	0	0	1	1	0	1	0	0	0	0	0
21	Nga Sơn	3	0	0	3	133	19	105	9	0	0	0	0	3	0	2	1	0	0	0	0
22	Hậu Lộc	0				108	21	85	2	2	2		0	7		7		1		1	
23	Hoàng Hoá	0	0	0	0	61	10	34	17	4	0	4	0	7	0	7	0	7	0	7	0
24	Quảng Xương	0				3		3	0	11	11			23	0	23		32		32	
25	Tĩnh Gia	0				215	49	164	2	3		3		13		13		9	9		
26	TX Sầm Sơn	0				1		1						2		2					
27	TP Thanh Hoá	0	0	0	0	97	4	91	2	2		2	0	1	0	1	0	52	0	52	0
28	Tổng số	102	17	71	14	2013	248	1644	121	102	75	23	4	284	14	263	7	126	9	117	0

PHỤ LỤC 2: TỔNG-HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU CHUYỂN, TIẾP NHẬN CÁN BỘ, GIÁO VIÊN TRUNG HỌC CƠ SỞ
Từ ngày 08/11/2011 đến ngày 30/9/2015

TT	Đơn vị	Điều chuyển giữa các trường THCS trong huyện				Điều chuyển xuống Tiểu học				Điều chuyển sang TTHTCĐ				Thuyên chuyển ra ngoài huyện				Tiếp nhận từ huyện khác			
		Tổng số	CBQL	GV	NVHC	Tổng số	CBQL	GV	NVHC	Tổng số	CBQL	GV	NVHC	Tổng số	CBQL	GV	NVHC	Tổng số	CBQL	GV	NVHC
1	Mường Lát	0				0		0		9		9		12		11	1	12		12	
2	Quan Sơn	83	14	65	4	11	1	9	1	0	0	0	0	23	0	23	0	0	0	0	0
3	Quan Hoá	69	13	54	2	11		2	9	6	6			1		1		24		24	
4	Bá Thước	35	1	34	0	16	0	16	0	17	0	17	0	10	0	10	0	2	0	2	0
5	Lang Chánh	41	0	40	1	14		14						16	1	15					
6	Thường Xuân	127	13	114		21		21		7	2	5		10		10		1		1	
7	Như Xuân	13		13		43		43		18		18									
8	Như Thanh	29		29		3		3		7	7			9		9					
9	Ngọc Lặc	164	11	153		26		26		22		22		14		14					
10	Cẩm Thủy	22	10	12		10	1	9		18		18		2		2					
11	Thạch Thành	101	16	61	24	28	0	28	0	28	2	26	0	11	0	11	0	0	0	0	0
12	Vĩnh Lộc	20	0	20	0	36	0	36	0	17	0	17	0	2	0	2	0	0	0	0	0
13	Thọ Xuân	186	16	158	12	31	0	30	1	41	41	0	0	5	1	4		1		1	
14	Triệu Sơn	106	10	96		21		20	1	34	14	20		7		6	1	1		1	
15	Nông Cống	148	8	140		1		1		11		11		7		7		2		2	
16	Yên Định	109	15	77	17	55	0	55	0	29	0	29	0	14	0	14	0	0	0	0	0
17	Thiệu Hoá	170	14	154	2	2	0	2	0	28		28	0	125	8	112	5	0	0	0	0
18	Đông Sơn	55	16	38	1	4		4		15		15		10		10		1		1	
19	Hà Trung	63		52	11	19		14	5	31		31		6		6					
20	TX Bim Sơn	35	2	33	0	22	0	22	0	7	0	7	0	0	0	0	0	0	0	0	0
21	Nga Sơn	140	16	117	7	39	0	39	0	27	0	27	0	10	0	10	0	0	0	0	0
22	Hậu Lộc	124	14	109	1	16		16		9		9		13		13		2		2	
23	Hoàng Hoá	69	4	48	17	5	0	5	0	39	0	39	0	13	0	13	0	2	0	2	0
24	Quảng Xương	143		143		0		0		97	35	62		25	0	25		11		11	
25	Tĩnh Gia	174	24	150		34		28	6	172		172		19		19					
26	TX Sầm Sơn	13	1	12						5		5		3		3					
27	TP Thanh Hoá	112	0	111	1	18	0	17	1	41	0	41	0	4	0	4	0	94	0	89	5